

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm

Dự thảo 10.7.2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ học tập đối với người học dân tộc thiểu số rất ít người

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 123/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với người học dân tộc thiểu số rất ít người.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ học tập đối với người học là người dân tộc thiểu số rất ít người đang học tập tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người học thuộc 16 dân tộc thiểu số rất ít người (Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ), bao gồm trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi học trong các cơ sở giáo dục mầm non; học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông, dự bị đại học; học sinh, học viên giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; sinh viên các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và học viên cao học, nghiên cứu sinh học chương trình sau đại học.

2. Các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục đại học và các cơ sở giáo dục khác; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách cho người học dân tộc thiểu số rất ít người.

3. Trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên, cơ sở giáo dục quy định tại Điều 2 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025

Điều 3. Chính sách ưu tiên tuyển sinh

1. Người học dân tộc thiểu số rất ít người được ưu tiên tuyển sinh vào học tại các cơ sở giáo dục công phù hợp với nguyện vọng và năng lực:

a) Người học các dân tộc thiểu số rất ít người từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi được huy động vào học tại cơ sở giáo dục mầm non công lập.

b) Người học các dân tộc thiểu số rất ít người trong độ tuổi tiểu học được huy động vào học tại trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông nội trú, trường phổ thông công lập có cấp tiểu học.

c) Người học các dân tộc thiểu số rất ít người hoàn thành chương trình tiểu học được tiếp nhận vào học tại trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông công lập có cấp trung học cơ sở.

d) Người học các dân tộc thiểu số rất ít người tốt nghiệp trung học cơ sở được tuyển thẳng vào học tại trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường trung học phổ thông công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên.

đ) Người học các dân tộc thiểu số rất ít người tốt nghiệp trung học phổ thông được tuyển thẳng vào học tại trường dự bị đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; là đối tượng tuyển sinh đi học theo chế độ cử tuyển.

e) Người học các dân tộc thiểu số rất ít người tốt nghiệp trung học phổ thông được cộng mức điểm ưu tiên cao nhất theo đối tượng chính sách vào học tại cơ sở giáo dục đại học. Mức điểm ưu tiên cao nhất theo đối tượng chính sách do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định trong Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

2. Người học dân tộc thiểu số rất ít người đủ điều kiện dự tuyển trình độ thạc sĩ, tiến sĩ được hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh như sau:

a) Đối với hình thức thi tuyển hoặc xét tuyển có thang điểm chấm hồ sơ, năng lực: Được cộng mức điểm ưu tiên đối tượng chính sách cao nhất theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Đối với hình thức xét tuyển dựa trên hồ sơ và đề cương nghiên cứu, không dùng thang điểm thi: Được ưu tiên chọn lựa hoặc tuyển thẳng nếu có kết quả đánh giá hồ sơ đạt điều kiện tối thiểu đầu vào của cơ sở đào tạo; hoặc được sử dụng chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cơ quan có thẩm quyền cấp thay cho điều kiện về năng lực ngoại ngữ khi xét tuyển và phải hoàn thành điều kiện về ngoại ngữ của chương trình đào tạo trước khi bảo vệ luận văn, luận án.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ học tập

1. Mức hưởng:

a) Người học các dân tộc thiểu số rất ít người học tại cơ sở giáo dục mầm non được hưởng chính sách hỗ trợ học tập bằng 30% mức lương cơ sở/người/tháng, tương đương 759.000đ/người/tháng.

b) Người học các dân tộc thiểu số rất ít người học tại cơ sở giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục thường xuyên được hưởng chính sách hỗ trợ học tập bằng 40% mức lương cơ sở/người/tháng, tương đương 1.012.000đ/người/tháng.

c) Người học các dân tộc thiểu số rất ít người là học sinh bán trú, học viên bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ học tập bằng 60% mức lương cơ sở/người/tháng, tương đương 1.518.000đ/người/tháng.

d) Người học dân tộc thiểu số rất ít người học tại trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền, là học sinh bán trú buổi trưa được hưởng chính sách hỗ trợ học tập bằng 40% mức lương cơ sở/người/tháng, tương đương 1.012.000đ/người/tháng; là học sinh nội trú được hưởng chính sách hỗ trợ học tập bằng 60% mức lương cơ sở/người/tháng, tương đương 1.518.000đ/người/tháng.

đ) Người học các dân tộc thiểu số rất ít người ở nội trú tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, dự bị đại học, sinh viên cử tuyển được hưởng chính sách hỗ trợ học tập bằng 100% mức lương cơ sở/người/tháng, tương đương 2.530.000đ/người/tháng.

e) Người học các dân tộc thiểu số rất ít người là sinh viên, học viên sau đại học tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hưởng chính sách hỗ trợ học tập bằng 150% mức lương cơ sở/người/tháng, tương đương 3.795.000đ/người/tháng. Đồng thời, được ưu tiên sắp xếp chỗ ở nội trú tại ký túc xá của cơ sở giáo dục.

2. Thời gian hưởng: theo **tháng** học thực tế nhưng không quá thời gian 9 tháng/năm học hoặc chương trình đào tạo.

3. Nguyên tắc hưởng:

a) Người học dân tộc thiểu số rất ít người thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách quy định tại Nghị định này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của chính sách cùng tính chất quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một chính sách ở mức cao nhất. Cụ thể:

- Trẻ em dân tộc thiểu số rất ít người học trong các cơ sở giáo dục mầm non đã được hưởng chính sách hỗ trợ học tập tại Nghị định này không được hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa và hỗ trợ chi phí học tập tại Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số

218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

- Học sinh các dân tộc thiểu số rất ít người học tại các cơ sở giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục thường xuyên đã được hưởng chính sách hỗ trợ học tập tại Nghị định này không được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2025 quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Học sinh bán trú, học viên bán trú là người dân tộc thiểu số rất ít người được hưởng chính sách hỗ trợ học tập tại Nghị định này thì không hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2025 quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người học tại các trường phổ thông nội trú đã được hưởng chính sách hỗ trợ học tập tại Nghị định này thì không hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn tại Nghị định số 188/2026/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2026 quy định chính sách cho học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền.

- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, dự bị đại học và sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người học theo chế độ cử tuyển đã được hưởng chính sách hỗ trợ học tập tại Nghị định này thì không hưởng học bổng chính sách quy định tại Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

- Sinh viên, học viên sau đại học các dân tộc thiểu số rất ít người học tại các cơ sở giáo dục đại học đã được hưởng chính sách hỗ trợ học tập tại Nghị định này thì không hưởng hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

- Học sinh, học viên, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên được hưởng chính sách hỗ trợ học tập quy định tại Nghị định này không được hưởng học bổng chính sách quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp và không được hưởng hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

b) Trường hợp người học các dân tộc thiểu số rất ít người bị lưu ban thì năm học lưu ban đầu tiên vẫn được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này.

c) Trường hợp người học dân tộc thiểu số rất ít người phải tạm dừng học do ốm đau, tai nạn hoặc vì lý do bất khả kháng không do kỷ luật hoặc tự thôi học thì vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này trong thời gian tạm dừng học.

d) Trường hợp người học dân tộc thiểu số rất ít người tạm dừng học không vì lý do bất khả kháng, người học không được hưởng chính sách hỗ trợ trong thời gian tạm dừng học. Thời gian hỗ trợ sẽ được bảo lưu và tiếp tục chi trả khi người học trở lại học tập tập trung, đảm bảo tổng thời gian nhận hỗ trợ không quá thời gian của chương trình đào tạo chuẩn.

đ) Trường hợp người học dân tộc thiểu số rất ít người trong các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp bị ngừng học thì thời gian ngừng học không được hưởng chính sách hỗ trợ học tập. Trường hợp học viên, sinh viên, nghiên cứu sinh bị buộc thôi học thì thôi hưởng chính sách hỗ trợ học tập ngay sau khi thôi học.

e) Trường hợp trong cùng thời điểm người học các dân tộc thiểu số rất ít người đồng thời học ở nhiều cơ sở giáo dục hoặc học nhiều ngành trong cùng một cơ sở giáo dục thì chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ học tập một lần tại một cơ sở giáo dục.

f) Không áp dụng hỗ trợ học tập đối với người học học bằng đại học thứ hai, hình thức đào tạo từ xa, liên kết đào tạo và vừa làm vừa học.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục xét duyệt và lập danh sách người học được hưởng chính sách hỗ trợ học tập

1. Đối với cơ sở giáo dục công lập

a) Đầu năm học hoặc đầu khóa học, người đứng đầu cơ sở giáo dục có trách nhiệm:

- Phổ biến chính sách hỗ trợ học tập theo quy định của Nghị định này đến người học, cha mẹ hoặc người giám hộ của người học;

- Rà soát, xác định người học thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 của Nghị định này;

- Lập, phê duyệt danh sách người học đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ học tập trước thời điểm khai giảng năm học hoặc khóa học ít nhất 05 ngày làm việc.

b) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã khai thác được thông tin của người học từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên thông, đầy đủ và đáp ứng yêu cầu xác định đối tượng thụ hưởng thì cơ sở giáo dục

thực hiện việc rà soát, lập và phê duyệt danh sách trên cơ sở dữ liệu; người học, cha mẹ hoặc người giám hộ của người học không phải nộp hồ sơ chứng minh đối tượng.

c) Trường hợp chưa khai thác được thông tin từ các cơ sở dữ liệu quy định tại điểm b khoản này thì cơ sở giáo dục có trách nhiệm:

- Hướng dẫn người học hoặc cha mẹ, người giám hộ của người học lập Phiếu đăng ký đề nghị hỗ trợ học tập theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

- Đối chiếu thông tin trong Phiếu đăng ký với hồ sơ của người học;

- Lập và phê duyệt danh sách người học đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ học tập.

2. Đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập

a) Đầu năm học hoặc đầu khóa học, người đứng đầu cơ sở giáo dục có trách nhiệm:

- Phổ biến chính sách hỗ trợ học tập đến người học, cha mẹ hoặc người giám hộ của người học;

- Rà soát người học thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 của Nghị định này;

- Hướng dẫn người học hoặc cha mẹ, người giám hộ của người học lập Phiếu đăng ký đề nghị hỗ trợ học tập theo Mẫu 02 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

- Kiểm tra, đối chiếu thông tin trong Phiếu đăng ký với hồ sơ của người học;

- Lập danh sách người học đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ học tập và gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học đăng ký thường trú để thẩm định, phê duyệt trước thời điểm khai giảng năm học hoặc khóa học ít nhất 05 ngày làm việc.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do cơ sở giáo dục chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thẩm định, phê duyệt danh sách người học đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ học tập và thông báo kết quả cho cơ sở giáo dục để tổ chức thực hiện.

3. Hồ sơ đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ học tập

a) Người học chỉ phải nộp 01 bộ hồ sơ trong suốt thời gian học tập tại cùng một cơ sở giáo dục, trừ trường hợp có thay đổi thông tin liên quan đến điều kiện hưởng chính sách.

b) Hồ sơ gồm:

- Phiếu đăng ký đề nghị hỗ trợ học tập theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử giấy khai sinh của người học;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử căn cước công dân của cha, mẹ hoặc người giám hộ (đối với trường hợp người học chưa đủ tuổi được cấp căn cước công dân);
- Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc tài liệu khác chứng minh nơi thường trú theo quy định của pháp luật, trường hợp thông tin này chưa được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

c) Trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính đã khai thác được các thông tin quy định tại điểm b khoản này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì người học, cha mẹ hoặc người giám hộ không phải nộp các giấy tờ tương ứng.

4. Hình thức nộp hồ sơ

Hồ sơ đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ học tập được nộp theo một trong các hình thức sau:

- a) Nộp trực tiếp tại cơ sở giáo dục;
- b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;
- c) Nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.
- d) Trường hợp hồ sơ được nộp sau thời điểm khai giảng năm học hoặc khóa học thì người học được hưởng chính sách kể từ tháng cơ sở giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 6. Phương thức chi trả hỗ trợ học tập

1. Đối với các cơ sở giáo dục công lập:

a) Kinh phí thực hiện hỗ trợ học tập trong các cơ sở giáo dục công lập được ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo hình thức giao dự toán. Việc phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ học tập cho cơ sở giáo dục công lập được thực hiện đồng thời với thời điểm phân bổ dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Khi giao dự toán cho các cơ sở giáo dục công lập, cơ quan chủ quản phải ghi rõ dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học tập cho người học dân tộc thiểu số rất ít người đang theo học tại cơ sở giáo dục công lập và số lượng đối tượng được thụ hưởng.

b) Kho bạc Nhà nước căn cứ hồ sơ rút dự toán thực hiện kiểm soát và chuyển tiền vào tài khoản của cơ sở giáo dục công lập đảm bảo trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

c) Căn cứ kinh phí hỗ trợ học tập được Kho bạc Nhà nước chuyển vào tài khoản, cơ sở giáo dục công lập chịu trách nhiệm chi trả cho đúng đối tượng được hỗ trợ học tập và quyết toán với cơ quan chủ quản về ngân sách theo phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

d) Việc chi trả thực hiện theo một trong các phương thức: Cấp tiền mặt trực tiếp hoặc chuyển qua tài khoản hoặc các hình thức chuyển tiền hợp pháp khác (nếu có). Thời điểm chi trả được thực hiện theo tháng, mỗi tháng chi trả 1 lần.

2. Đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập:

a) Cơ sở giáo dục ngoài công lập gửi hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học đăng ký thường trú bao gồm: (i) Danh sách đề xuất được hưởng chính sách hỗ trợ học tập có đầy đủ các nội dung: họ tên, đối tượng, tổng số đối tượng thuộc diện được hỗ trợ học tập hiện đang theo học tại cơ sở giáo dục, mức hỗ trợ và kinh phí đề nghị hỗ trợ học tập; (ii) Hồ sơ xác nhận đúng đối tượng hỗ trợ học tập.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học thường trú chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ học tập cho người học dân tộc thiểu số rất ít người thường trú trên địa bàn quyết toán kinh phí với Kho bạc Nhà nước cho người học (hoặc cha, mẹ, người giám hộ của người học) đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, đại học, giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập theo 1 trong các phương thức: Cấp tiền mặt trực tiếp hoặc chuyển qua tài khoản hoặc các hình thức chuyển tiền hợp pháp khác (nếu có). Thời điểm chi trả được thực hiện vào 2 đợt, vào tháng 01 và tháng 6 hàng năm.

Điều 7. Lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí

1. Việc lập và phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học tập cho người học dân tộc thiểu số rất ít người đang học tập tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân quy định tại Nghị định này được thực hiện theo quy định của [Luật ngân sách nhà nước](#) và các văn bản hướng dẫn. Dự toán phải ghi rõ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học tập cho người học dân tộc thiểu số rất ít người đang học tập tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và số lượng đối tượng được hưởng.

a) Cơ sở giáo dục công lập căn cứ mức hỗ trợ học tập được quy định tại Nghị định này và số lượng đối tượng được hỗ trợ học tập để lập danh sách, xây dựng dự toán kinh phí đề nghị cấp tiền hỗ trợ học tập gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục để thẩm định, trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục căn cứ mức hỗ trợ học tập được quy định tại Nghị định này và số lượng đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập của các cơ sở giáo dục ngoài công lập để lập danh sách, xây dựng dự toán kinh phí đối tượng được hỗ trợ học tập trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện.

2. Các cơ quan được phân bổ ngân sách theo quy định tại Nghị định này chịu trách nhiệm lập dự toán, thực hiện việc quản lý, chi trả kinh phí hỗ trợ học tập đúng đối tượng và thanh quyết toán kinh phí với ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật. Quy trình, trách nhiệm và thẩm quyền trong lập dự toán, chấp hành

và quyết toán kinh phí hỗ trợ học tập thực hiện theo quy định của [Luật ngân sách nhà nước](#) và theo phân cấp quản lý hiện hành.

3. Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm bảo đảm kinh phí hỗ trợ, hướng dẫn quản lý và kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện.

4. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, cấp phát, thanh toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách qua Kho bạc Nhà nước; các chế độ chi tiêu và các quy định tại Nghị định này.

5. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào hướng dẫn về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, số lượng đối tượng được hưởng xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ học tập, tổng hợp chung trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục đào tạo của địa phương theo chế độ quy định.

6. Các bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định phân bổ kinh phí hỗ trợ học tập cho các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc theo chế độ quy định.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học tập

1. Nguồn kinh phí chi trả chính sách hỗ trợ học tập cho người học dân tộc thiểu số rất ít người đang học tập tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân quy định tại Nghị định này được cân đối trong dự toán chi ngân sách nhà nước của lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề hằng năm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

2. Ngân sách trung ương hỗ trợ cho các địa phương theo cơ chế hỗ trợ quy định tại [Luật ngân sách nhà nước](#), các văn bản hướng dẫn luật để thực hiện các chính sách an sinh xã hội trong từng thời kỳ.

3. Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học tập đối với học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú thuộc các bộ, ngành trung ương quản lý.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan kiểm tra, đánh giá, tổng hợp tình hình thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này, hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Kiểm tra, giám sát đánh giá, tổng hợp tình hình thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này đối với các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học.

c) Hướng dẫn các nội dung liên quan đến chính sách ưu tiên tuyển sinh đối với người học dân tộc thiểu số rất ít người đang học tập tại cơ sở giáo dục thuộc hệ

thống giáo dục quốc dân trong quy chế tuyển sinh đại học, sau đại học, tuyển sinh du học nước ngoài sử dụng nguồn ngân sách nhà nước thuộc chức năng quản lý của Bộ.

2. Bộ Tài chính: Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện chính sách tại Nghị định theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan.

3. Bộ Dân tộc và Tôn giáo: Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành ở trung ương và các địa phương chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách,

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện đúng, đủ, kịp thời chế độ, chính sách cho người học dân tộc thiểu số rất ít người.

b) Chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm việc thực hiện chính sách đúng đối tượng, mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ của năm học; giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai tại địa phương; hằng năm tổng kết, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện chính sách cho Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 10. Kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

1. Người học, cha mẹ hoặc người giám hộ, cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên nếu kê khai sai thông tin hoặc tiếp tay cho việc kê khai sai thông tin để hưởng chính sách thì phải hoàn trả toàn bộ số tiền đã nhận và bị xử lý theo quy định pháp luật.

2. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm công khai danh sách người học được hưởng chính sách tại bảng tin và trên cổng thông tin điện tử (nếu có).

3. Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Giáo dục và Đào tạo định kỳ kiểm tra, đối chiếu danh sách thụ hưởng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Điều 11. Hiệu lực thi hành và Điều khoản chuyển tiếp

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành ngày kể từ ngày ký, thay thế cho Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/05/2017.

2. Trẻ mẫu giáo, học sinh trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông đã được hưởng chính sách ưu tiên tuyển sinh tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP nhưng không thuộc đối tượng thụ hưởng tại Nghị định này thì tiếp tục được thụ hưởng chính sách hỗ trợ học tập tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP cho đến hết cấp học tại cơ sở giáo dục đó.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này đăng ký cho trẻ em hưởng chính sách trẻ em nhà trẻ bán trú theo mẫu biểu của nhà trường;”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Quy trình xét duyệt và trình tự, thủ tục cấp kinh phí thực hiện

a) Đầu năm học, cơ sở giáo dục mầm non phổ biến chính sách, thông báo rộng rãi cho người học và cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em; (ii) hướng dẫn cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em đăng ký cho trẻ em hưởng chính sách trẻ em nhà trẻ bán trú và nộp các giấy tờ chứng minh trẻ em thuộc đối tượng hưởng chính sách. iii) Trên cơ sở thông tin đăng ký, tổ chức rà soát đối tượng trẻ em thuộc đối tượng hưởng chính sách quy định tại khoản 1 Điều 6, lập danh sách trẻ em nhà trẻ bán trú theo Mẫu số 01 kèm theo văn bản đề nghị theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này về Phòng Văn hóa – Xã hội đang quản lý trực tiếp để xem xét, tổng hợp.

b) Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của cơ sở giáo dục mầm non, Phòng Văn hóa – Xã hội tổ chức thẩm định hồ sơ, tổng hợp kinh phí hỗ trợ trẻ em nhà trẻ bán trú (Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này) gửi cơ quan tài chính cùng cấp. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của Phòng Văn hóa – Xã hội, cơ quan tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

c) Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định phê duyệt danh sách trẻ em nhà trẻ bán trú theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này và gửi thông báo kết quả phê duyệt cho cơ sở giáo dục mầm non;

Ngay sau khi nhận được quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách trẻ em nhà trẻ bán trú, cơ sở giáo dục mầm non thông báo công khai và tổ chức triển khai thực hiện chi hỗ trợ.”

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Học sinh, học viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định này đăng ký hưởng chính sách học sinh bán trú chính sách học viên bán trú theo mẫu biểu của nhà trường;”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Tiếp nhận hồ sơ

a) Vào đầu năm học, các trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú và cơ sở giáo dục thường xuyên có học viên bán trú tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi, hướng dẫn cho bố, mẹ (hoặc người giám hộ) và học sinh, học viên thuộc đối tượng được hưởng chính sách chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú và cơ sở giáo dục thường xuyên thông báo, mỗi đối tượng đề nghị được hưởng chính sách nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ sở giáo dục (nộp 01 bộ hồ sơ cho 01 lần đầu đề nghị xét hưởng chính sách cho cả cấp học). Trường hợp thuộc hộ nghèo phải nộp bổ sung giấy tờ chứng minh hộ nghèo theo từng năm trong trường hợp cơ quan, tổ chức không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Cơ sở giáo dục tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ nộp là bản chụp chưa có chứng thực của cấp có thẩm quyền, người nhận hồ sơ có trách nhiệm đối chiếu với bản chính, ký xác nhận vào bản chụp để đưa vào hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định thì yêu cầu bổ sung. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm yêu cầu, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ sở giáo dục gửi thông báo không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do.

c) Sau ngày hết hạn nhận hồ sơ, trong thời hạn 05 ngày làm việc cơ sở giáo dục tổ chức xét duyệt các hồ sơ đủ điều kiện được hưởng chính sách học sinh bán trú, học viên bán trú theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định này. Ngay sau khi có kết quả xét duyệt, cơ sở giáo dục lập và thông báo công khai danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này tại trụ sở làm việc trong thời hạn 03 ngày làm việc.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú, hỗ trợ gạo và cấp kinh phí thực hiện

a) Hết thời hạn công khai danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú, chậm nhất 03 ngày làm việc, cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ về Phòng Văn hóa – Xã hội, cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo, hồ sơ gồm:

Danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú (theo Mẫu số 03) và văn bản đề nghị phê duyệt (theo Mẫu số 05) quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

Dự toán đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ ăn, ở và hỗ trợ gạo cho học sinh bán trú, học viên bán trú (theo Mẫu số 04) quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị của các cơ sở giáo dục, Phòng Văn hóa – Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định, tổng hợp hồ sơ gửi cơ quan tài chính cùng cấp. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của Phòng Văn hóa – Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ quan tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân ban hành quyết định phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trong vòng 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân gửi thông báo kết quả phê duyệt cho cơ sở giáo dục.

Ngay sau khi nhận được quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú, các cơ sở giáo dục có trách nhiệm thông báo công khai và tổ chức triển khai thực hiện chính sách cho học sinh bán trú, học viên bán trú.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 11 như sau:

“a) Các đơn vị dự trữ quốc gia tổ chức vận chuyển gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho học sinh, học viên và giao cho đơn vị tiếp nhận gạo của tỉnh tại trung tâm xã, phường, đặc khu của các tỉnh được hỗ trợ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho một đơn vị tiếp nhận gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho học sinh, học viên của tỉnh. Đơn vị tiếp nhận gạo của tỉnh có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận gạo trên phương tiện vận chuyển của bên giao tại trung tâm xã, phường, đặc khu của tỉnh; hướng dẫn, chỉ đạo các phòng Văn hóa – Xã hội, các cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức vận chuyển gạo về các cơ sở giáo dục để cấp phát cho đối tượng được hỗ trợ;”

4. Thay thế cụm từ Phòng Giáo dục và Đào tạo bằng cụm từ Phòng Văn hóa – Xã hội tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 và khoản 1 Điều 12.

5. Thay cụm từ “Mẫu số 09” bằng cụm từ “Mẫu số 06” tại Khoản 3 Điều 10.

6. Bãi bỏ Phụ lục kèm theo, thay thế bằng phụ lục II kèm theo Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b)

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Nghị định số/..../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ)

Mẫu số 01	Phiếu đăng ký hỗ trợ học tập đối với người học cơ sở giáo dục công lập
Mẫu số 02	Phiếu đăng ký hỗ trợ học tập đối với người học cơ sở giáo dục ngoài công lập
Mẫu số 03	Dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học tập

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ HỌC TẬP
(Dành cho người học tại cơ sở giáo dục công lập)

Kính gửi:

1. Thông tin của người học

Họ và tên người học:.....
 Sinh ngày:.....
 Địa chỉ cư trú tại:
 Số định danh cá nhân/căn cước công dân (nếu có):.....
 Lớp:..... Khóa:.....
 Mã số người học (nếu có):.....
 Dân tộc:

2. Thông tin của cha, mẹ người học

Họ tên cha/mẹ người học:.....
 Dân tộc:.....
 Căn cứ Nghị định số .../...../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ
 quy định, tôi đề nghị xem xét để hỗ trợ học tập theo quy định.

....., ngày.... tháng.... năm.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên, quan hệ với người học)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ HỌC TẬP
(Dành cho người học tại cơ sở giáo dục ngoài công lập)

Kính gửi:

1. Thông tin của người học

Họ và tên người học:.....
 Sinh ngày:.....
 Địa chỉ cư trú tại: :.....
 Số định danh cá nhân/căn cước công dân (nếu có):.....
 Lớp:..... Khóa:.....
 Mã số người học (nếu có):.....
 Dân tộc: :.....

2. Thông tin của cha, mẹ người học

Họ tên cha/mẹ người học:.....
 Dân tộc:.....
 Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định, tôi đề nghị xem xét đề hỗ trợ học tập theo quy định.
, ngày.... tháng.... năm.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên, quan hệ với người học)

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGOÀI CÔNG LẬP

Cơ sở giáo dục:.....
 Xác nhận người học:.....
 Hiện là lớp:..... Khóa:.....
 Thời gian khóa học: (năm)Hệ (đào tạo):.....
 Đề nghị xem xét hỗ trợ học tập cho anh/chị..... theo quy định.

....., ngày.... tháng.... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
 ĐƠN VỊ THỰC HIỆN.....

ĐỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Năm...

Thực hiện theo Nghị định số.../.../NĐ-CP ngày.... tháng... năm của Chính phủ quy định....

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Ngày tháng năm sinh	Loại đối tượng chính sách	Dân tộc	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ học tập/tháng	Kinh phí hỗ trợ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7)*(6)
1	Người học A						
2	Người học B						
3	Người học C						
	Tổng số						

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II

(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Danh sách trẻ em nhà trẻ bán trú (dùng cho các cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ bán trú)
Mẫu số 02	Tổng hợp kinh phí hỗ trợ trẻ em nhà trẻ bán trú (dùng cho Phòng Giáo dục và Đào tạo)
Mẫu số 03	Danh sách học sinh, học viên đề nghị được hưởng chính sách học sinh bán trú, học viên bán trú
Mẫu số 04	Dự toán đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ tiền ăn, tiền ở và hỗ trợ gạo cho học sinh bán trú, học viên bán trú (dùng cho Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo)
Mẫu số 05	Mẫu văn bản đề nghị
Mẫu số 06	Mẫu quyết định phê duyệt

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC
KHU
TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC

DANH SÁCH TRẺ EM NHÀ TRẺ BÁN TRÚ
(Dùng cho cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ bán trú)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được hỗ trợ	Ghi chú
	Tổng cộng					

....., ngày..... tháng..... năm

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON
(Ký, ghi rõ họ tên/đóng dấu)

UBND XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU.....
PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI

TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ TRẺ EM NHÀ TRẺ BÁN TRÚ
 (Dùng cho Phòng Văn hóa – Xã hội)

TT	Tên cơ sở giáo dục mầm non	Thuộc xã/phường...	Số lượng trẻ em nhà trẻ bán trú	Số tháng hỗ trợ	Tổng kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
	Tổng cộng					

....., ngày..... tháng.....năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHÒNG/SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO.....
TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC

**DANH SÁCH HỌC SINH, HỌC VIÊN ĐỀ NGHỊ
HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỌC SINH BÁN TRÚ, HỌC VIÊN BÁN TRÚ**
(Dùng cho cơ sở giáo dục có học sinh bán trú, học viên bán trú)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/ năm (kg)	Ghi chú
	Tổng cộng									

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên/đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
**PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI/SỞ GIÁO
 DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**DỰ TOÁN ĐỀ NGHỊ CẤP KINH PHÍ HỖ TRỢ TIỀN ĂN, TIỀN Ở VÀ HỖ TRỢ GẠO
 CHO HỌC SINH BÁN TRÚ, HỌC VIÊN BÁN TRÚ**
 (Dùng cho Phòng Văn hóa – Xã hội/Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số lượng HS bán trú, HV bán trú	Số tháng hỗ trợ	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (kg)	Ghi chú
	Tổng cộng						

.....ngày..... tháng.....năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

...(2)...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm

V/v ...(3)...

Kính gửi:(1).....

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày / /2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

(2).....kính trình (1) xem xét thẩm định hồ sơ và gửi cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt(4) ... hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày / /2025 năm học 20...-20...

Hồ sơ trình gồm:

- Danh sách ...(4)... hưởng chính sách

- Dự toán ...(5)...

Trân trọng.

Nơi nhận:

-;

-

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (6)

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan quản lý cấp trên

(2) Cơ sở giáo dục.

(3) Trích yếu (nội dung đề nghị)

(4) Trẻ em/học sinh/học viên

(5) Kinh phí hỗ trợ ăn/ở/hỗ trợ gạo

(6) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ sở giáo dục

....(1)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ...(2)...

THẨM QUYỀN BAN HÀNH(3).....

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ(4).....

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1** ...(5)....**Điều** ...Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....**Điều** ...**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ***(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)***Nơi nhận:**

- Như Điều;

-

- Lưu: VT, (6) A.xx (7)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định.
- (2) Ghi rõ trích yếu của quyết định
- (3) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định
- (4) Các căn cứ khác (nếu có) để ban hành quyết định
- (5) Ghi rõ nội dung quyết định
- (6) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
- (7) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).